

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **28/2019/HSST**
Ngày: 16/8/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Thái Thị Thủy Tiên**

2/ Bà Trần Thị Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Mai Trung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa: **Ông Trần Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2019/TLST - HS ngày 05/7/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXX ST - HS ngày 02/8/2019 đối với bị cáo:

LÊ NGỌC T, sinh năm 1968 tại Quảng Ngãi; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: phụ hồ; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Ngọc A (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thanh T (đã chết); có vợ Trần Thị Kim Q, sinh năm: 1968 và 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1992 và nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/4/2019 cho đến nay. (có mặt)

- Người bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đình K1, sinh năm: 1996 (vắng)

Địa chỉ: ấp L2, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Nguyễn Minh K2, sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã S, huyện Đ1, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Lê Thị Mỹ Đ, sinh năm: 1965 (vắng)

Địa chỉ: tổ 5, khu phố H1, thị trấn Đ2, huyện Đ1, Đồng Nai.

4. Anh Nguyễn Thế Sơn, sinh năm: 1980 (vắng)

Địa chỉ: tổ 5, khu phố H2, thị trấn Đ2, huyện Đ1, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 15/12/2018 bị cáo đi bộ đến nhà bà Nguyễn Thị L tại ấp L1, xã X để hỏi mượn tiền chữa bệnh cho vợ. Khi bị cáo vào nhà không thấy bà L ở nhà chỉ thấy K1 là con của bà L đang ngủ trên võng bên hông nhà. Bị cáo phát hiện thấy 01 xe mô tô biển số 60B6-347.19(bên trong xe có 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị L, 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Đình K1), chìa khóa cắm sẵn trên xe nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp. Bị cáo dẫn xe ra sân nhà rồi nổ máy chạy đến nhà gửi xe Bệnh viện đa khoa S gửi. Đến ngày 16/12/2018 bị cáo mang xe đến tiệm cầm đồ “B” của anh Nguyễn Minh K2 bán với giá là 10.700.000 đồng và giao giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị L và chứng minh nhân dân của bị cáo cho anh K2. Khi bán xe bị cáo nói với anh K2 là xe của bà chị nên anh K2 đồng ý mua. Sau đó anh K2 bán xe mô tô trên lại cho anh Nguyễn Thế S với giá là 12.500.000 đồng. Sau khi mua anh S bán xe trên lại cho bà Lê Thị Mỹ Đ với giá là 13.500.000 đồng nhưng bà Đ mới trả trước cho anh S 5.000.000 đồng. Ngày 20/3/2019, Nguyễn Lê Hiệp H sử dụng chiếc xe trên vào việc phạm tội thì bị Công an xã P, huyện Đ1 bắt quả tang thu giữ chiếc xe trên, đồng thời thông báo cho Công an huyện C.

Đối với số tiền 10.700.000 đồng bị cáo bán xe được bị cáo dùng trả viện phí cho vợ và tiêu xài cá nhân hết. Riêng 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Đình K1 hiện đã thất lạc không thu hồi được. Đến ngày 17/4/2019 bị cáo đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG ngày 18/4/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Đồng Nai kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Ware @, màu vàng – đen – bạc, biển số 60B6-347.19; số khung RLHHC1254FY000747, số máy HC12E7000784 đăng ký lần đầu tháng 11/2015 có giá trị là 18.500.000 đồng x 50% = 9.250.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKSCM ngày 04/7/2019, Viện Kiểm sát nhân huyện Cẩm Mỹ đã truy tố bị cáo Lê Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 08 tháng đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi. Đối với anh Nguyễn Minh K2i khi mua chiếc xe mô tô biển số 60B6-347.19, anh K2 không biết chiếc xe trên do bị cáo trộm cắp mà có nên không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản tiếp nhận người phạm tội đầu thú, biên bản ghi nhận hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền trả viện phí cho vợ và tiêu xài cá nhân, bị cáo Thiệu đã lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Giá trị tài sản trộm cắp theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C là 9.250.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Ngọc T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, đầu thú và được người bị hại làm đơn bãi nại, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên nhận thấy không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà chỉ cần xử bị cáo hình phạt tù, nhưng cho hưởng án treo cũng đủ răn đe và giáo dục bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là bà Nguyễn Thị L đã nhận lại xe mô tô biển số 60B6-347.19 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Tại bút lục số 52 anh Nguyễn Đình K1 cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường 01 giấy phép lái xe hạng A1 nên không xem xét.

Bị cáo đã bồi thường cho anh Nguyễn Minh K2 10.700.000 đồng và anh K2 đã thanh toán lại cho anh Nguyễn Thế S 12.500.000 đồng, đồng thời anh S cũng trả

lại cho bà Lê Thị Mỹ Đ 5.000.000 đồng tiền bán xe. Anh K2, anh S và bà Đ không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Ware @, màu vàng – đen – bạc, biển số 60B6-347.19; số khung RLHHC1254FY000747, số máy HC12E7000784 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị L đã trả lại cho bà L là chủ sở hữu là phù hợp.

- 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Đình K1 hiện đã thất lạc nên không xem xét.

[6] Anh Nguyễn Minh K2 khi mua chiếc xe mô tô biển số 60B6-347.19, anh K2 không biết chiếc xe trên do bị cáo trộm cắp mà có nên không phạm tội

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Ngọc T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Ngọc T** 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/8/2019).

Giao bị cáo Lê Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Ngọc T phải chịu 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện C;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Hồ sơ thi hành án;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thùy Trang

